

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2022/DS-ST
Ngày: 26/8/2022
V/v: Tranh chấp dân sự về
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phụng.

2. Ông Phan Quốc Tiến.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 157/2022/TLST-DS ngày 27/4/2022 về việc: “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/QĐXXST-DS ngày 11/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 197/2022/QĐST-DS ngày 05/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Cẩm T, sinh năm: 1963;

Địa chỉ: số nhà A, tổ A, khóm M, Thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Bùi Mỹ N, sinh năm 1955; địa chỉ: Số nhà D, đường N, tổ B, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Theo hợp đồng ủy quyền ngày 19/02/2022.

- Bị đơn: Ông Phạm Quốc V, sinh năm: 1966;

Địa chỉ: ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà N có mặt, ông V vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2022 và tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Bùi Mỹ N trình bày:

Ngày 10/7/2017, ông V có hỏi mượn bà T số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), có viết biên nhận vay, thỏa thuận miệng với nhau lãi suất

2%/tháng. Ông V là cán bộ Hội Chữ thập đỏ huyện C, biết nhau do ông V đến quán bà T uống cafe. Ông V mượn tiền để kinh doanh nuôi cá và làm nhà máy nước, hẹn nuôi cá xong sẽ trả cho bà T cả vốn và lãi hàng tháng. Từ khi mượn đến nay ông V không trả cho bà T nợ gốc và lãi.

Bà T đã nhiều lần yêu cầu ông V phải trả số tiền vốn 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và lãi nhưng ông V cứ hẹn, hứa bán cá và thanh lý nhà máy nước sẽ trả cho bà. Tuy nhiên, khi bán nhà máy nước ông V cũng không trả. Bà T có hẹn gặp nhiều lần nhưng ông V cố tình né tránh. Đến tháng 12/2021, ông V có gặp bà T và làm biên nhận có vay của bà số tiền 250.000.000đ, trả số tiền này vào ngày 20/12/2021. Nhưng đến nay ông V vẫn không thực hiện.

Theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh giải quyết: Buộc ông Phạm Quốc V trả số tiền ông đã vay của bà theo biên nhận ngày 20/12/2021 số tiền 250.000.000đồng, tiền lãi theo yêu cầu là 0,75%/tháng, thời gian tạm tính từ ngày 20/12/2021 đến ngày khởi kiện 20/02/2022 là 02 tháng: $250.000.000 \times 0,75\% \times 2 = 3.750.000$ đồng, tổng vốn và lãi là 253.750.000đồng; yêu cầu tính lãi phát sinh tiếp cho đến khi kết thúc vụ kiện.

Tại phiên hòa giải ngày 08/7/2022 bà T yêu cầu ông Phạm Quốc V trả số tiền vốn là 250.000.000đồng, tiền lãi là: $250.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 6 tháng = 12.450.000$ đồng, tổng cộng vốn và lãi là 262.450.000đồng.

Tại phiên tòa, bà N trình bày: Ông V vay của bà T số tiền 250.000.000đồng, tính đến nay ông V đã trả cho bà T được 10.000.000đồng tiền vốn, còn nợ lại 240.000.000đồng. Nay bà T yêu cầu ông Phạm Quốc V trả cho bà T số tiền nợ gốc còn thiếu là 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng), yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là 0,83%/tháng, tính từ ngày bên bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền là ngày 20/12/2021 (ngày hết hạn trả nợ gốc theo thỏa thuận trong biên nhận nợ) đến 26/8/2022, chỉ yêu cầu tính tròn 08 tháng, với số tiền: $240.000.000 \times 8 \times 0,83\% = 15.936.000$ đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 255.936.000đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu, chín trăm ba mươi sáu ngàn đồng).

- Đối với bị đơn là ông Phạm Quốc V, đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa xét xử.

- Kèm theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án Biên nhận mượn tiền có thể hiện số tiền cụ thể mà bị đơn còn nợ của nguyên đơn, Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết nhưng bị đơn vẫn không có ý kiến gì nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay và yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, bị đơn có địa chỉ tại ấp C xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn ông Phạm Quốc V được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đã vắng mặt không lý do chính đáng và cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm T yêu cầu bị đơn là ông Phạm Quốc V trả cho bà T số tiền nợ gốc còn thiếu là 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn chục triệu đồng). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, phía nguyên đơn đã cung cấp biên nhận vay tiền ngày 10/7/2017 có chữ ký tên và chữ viết họ tên của Phạm Quốc V và biên nhận có nội dung hứa trả nợ ngày 20/12/2021 có chữ ký tên và chữ viết họ tên của Phạm Quốc V. Xét thấy, tài liệu, chứng cứ trên là bản gốc và có nội dung phù hợp với nội dung trình bày và yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà T, ông V có xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền là 250.000.000 đồng, đã được bà T chứng minh bằng biên nhận mượn tiền đề ngày 10/7/2017 có chữ ký của ông V. Tờ biên nhận này do bà T giao nộp cho Tòa án thể hiện đúng như lời trình bày của bà T. Ngoài ra, phía nguyên đơn còn có văn bản trình bày về biên nhận ngày 20/12/2021, phía dưới ông V có ghi (250 triệu đồng chưa trừ số nợ đã trả trước nay) là chưa trừ số tiền vốn 10.000.000 đồng ông V đã trả cho bà T.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện cho ông V. Tuy nhiên, ông V vẫn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không có ý kiến phản bác, yêu cầu phản tố hay yêu cầu gì khác liên quan đến yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Mặc khác, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên

môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay giữa hai bên đương sự là có thật. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của phía nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì, căn cứ vào Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản sẵn cho bên vay, khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định*”; và tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn.....*”.

Đối với yêu cầu về lãi suất, tại phiên tòa đại diện ủy quyền của bà T chỉ yêu cầu ông Phạm Quốc V trả cho bà T số tiền lãi theo mức lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là 0,83%/tháng, tính từ ngày bên bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền là ngày 20/12/2021 đến 26/8/2022, chỉ yêu cầu tính tròn 8 tháng: $240.000.000 \times 8 \times 0,83\% = 15.936.000$ đồng. Xét thấy theo hợp đồng vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, nguyên đơn cho rằng lãi suất hai bên thỏa thuận miệng 2%/tháng nhưng không có căn cứ chứng minh và bị đơn cũng không thừa nhận mức lãi này. Do đó nay phía nguyên đơn xác định phía bị đơn đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu mức lãi suất trên là phù hợp theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 429, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

*** Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm T.

Buộc ông Phạm Quốc V có trách nhiệm trả cho bà T số tiền vốn vay là 240.000.000 đồng, tiền lãi là 15.936.000 đồng. Tổng tiền vốn và lãi là 255.936.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu, chín trăm ba mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.796.800 đồng (Mười hai triệu, bảy trăm chín mươi sáu ngàn, tám trăm đồng), ông Phạm Quốc V phải chịu.

+ Bà Lê Thị Cẩm T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.340.000 đồng (Sáu triệu, ba trăm bốn mươi ngàn đồng) theo biên lai số 0007452 ngày 25/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND HCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS HCL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Văn Phong